

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ vào Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ quy định về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;*

*Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải- Xây dựng tại Tờ trình số 159/TT-SGTVTXD ngày 25 tháng 3 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Đơn giá nhân công cho một ngày công theo cấp bậc bình quân của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, đã bao gồm các khoản bảo hiểm người lao động phải trả theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn) và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 90/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ.

2. Công bố đơn giá nhân công theo 3 vùng như sau:

- Phụ lục 1: Vùng II (Thành phố Lào Cai);
- Phụ lục 2: Vùng III (Thị xã Sa Pa; thị trấn Phố Lu, thị trấn Tàng Lông, thị trấn Phong Hải của huyện Bảo Thắng);
- Phụ lục 3: Vùng III (các xã còn lại thuộc huyện Bảo Thắng);
- Phụ lục 4: Vùng IV (các huyện còn lại tỉnh Lào Cai)

*(Có phụ lục từ số 1- 4 chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án công trình sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án đầu tư

theo hình thức đối tác công tư (PPP) do cơ quan quản lý nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng quy định này.

2. Đối với các dự án, công trình xây dựng đang lập và thẩm định hồ sơ dự toán theo đơn giá nhân công ban hành tại Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai nhưng chưa phê duyệt dự toán thì điều chỉnh dự toán nhân công xây dựng theo đơn giá nhân công ban hành kèm theo quyết định này.

- Đối với các dự án, công trình xây dựng đã phê duyệt hồ sơ dự toán theo đơn giá nhân công ban hành tại Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai nhưng chưa tổ chức đấu thầu (phê duyệt kết quả trúng thầu) thì chủ đầu tư thực hiện theo quyết định này nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

- Trường hợp, hợp đồng theo hình thức đơn giá điều chỉnh thì căn cứ vào các điều khoản đã ký kết giữa Chủ đầu tư và nhà thầu để điều chỉnh nhân công trong dự toán theo mức lương công bố kèm theo văn bản này. Nếu vượt tổng mức đầu tư thì phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

3. Đối với các dự án, công trình xây dựng đã tổ chức đấu thầu (phê duyệt kết quả trúng thầu, hợp đồng kinh tế) theo đơn giá nhân công ban hành tại Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư gửi văn bản về Sở Giao thông vận tải - Xây dựng để nghiên cứu và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. UBND tỉnh Lào Cai ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng công bố đơn giá nhân công hàng quý trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trường hợp đơn giá nhân công công bố  $\geq 10\%$  giá đã công bố tại quyết định này phải báo cáo UBND tỉnh xem xét.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2020 và thay thế Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai./.

**Nơi nhận:**

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (thay b/c);
- Như Điều 3/QĐ;
- LĐ Văn phòng;
- BBT- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH1, KT1, QLĐT1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trịnh Xuân Trường**

**PHỤ LỤC SỐ I**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của  
UBND tỉnh Lào Cai)

**1. Đơn giá nhân công Vùng II gồm: Thành phố Lào Cai**

<b>A</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>	<b>Cấp bậc bình quân</b>	<b>Đơn giá</b>
<b>I</b>	<b>Nhân công xây dựng</b>		
1	Nhóm 1	3,5/7	215.000
2	Nhóm 2	3,5/7	215.000
3	Nhóm 3	3,5/7	215.000
4	Nhóm 4	3,5/7	215.000
5	Nhóm 5	3,5/7	215.000
6	Nhóm 6	3,5/7	215.000
7	Nhóm 7	3,5/7	215.000
8	Nhóm 8	3,5/7	215.000
9	Nhóm 9	2/4	225.000
10	Nhóm 10	2/4	225.000
11	Nhóm 11		225.000
<b>II</b>	<b>Kỹ sư</b>	4/8	230.000
<b>III</b>	<b>Nghệ nhân</b>	1,5/2	530.000
<b>IV</b>	<b>Vận hành tàu, thuyền</b>		
1	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	359.000
2	Thợ điều khiển tàu sông,	1,5/2	345.000
3	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	345.000
<b>V</b>	<b>Thợ lặn</b>	2/4	530.000

<b>B</b>	<b>Nhóm nhân công tư vấn xây dựng</b>		
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		900.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		650.000
3	Kỹ sư		400.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		342.000

**PHỤ LỤC SỐ II**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020  
của UBND tỉnh Lào Cai)

**2. Đơn giá nhân công Vùng III gồm: Thị xã Sa Pa; thị trấn Phố Lu, thị trấn Phong Hải, thị trấn Tăng Lũng của huyện Bảo Thắng.**

<b>A</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>	<b>Cấp bậc bình quân</b>	<b>Đơn giá</b>
<b>I</b>	<b>Nhân công xây dựng</b>		
1	Nhóm 1	3,5/7	220.000
2	Nhóm 2	3,5/7	220.000
3	Nhóm 3	3,5/7	220.000
4	Nhóm 4	3,5/7	220.000
5	Nhóm 5	3,5/7	220.000
6	Nhóm 6	3,5/7	220.000
7	Nhóm 7	3,5/7	220.000
8	Nhóm 8	3,5/7	220.000
9	Nhóm 9	2/4	230.000
10	Nhóm 10	2/4	230.000
11	Nhóm 11		230.000
<b>II</b>	<b>Kỹ sư</b>	4/8	235.000
<b>III</b>	<b>Nghệ nhân</b>	1,5/2	510.000
<b>IV</b>	<b>Vận hành tàu, thuyền</b>		
1	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	350.000
2	Thợ điều khiển tàu sông,	1,5/2	335.000
3	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	335.000
<b>V</b>	<b>Thợ lặn</b>	2/4	510.000

<b>B</b>	<b>Nhóm nhân công tư vấn xây dựng</b>		<b>Đơn giá</b>
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		800.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		600.000
3	Kỹ sư		400.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		350.000

**PHỤ LỤC SỐ III**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của  
UBND tỉnh Lào Cai)

**3.Đơn giá nhân công Vùng III gồm: Các xã thuộc huyện Bảo Thắng**

<b>A</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>	<b>Cấp bậc bình quân</b>	<b>Đơn giá</b>
<b>I</b>	<b>Nhân công xây dựng</b>	3,5/7	200.000
1	Nhóm 1	3,5/7	200.000
2	Nhóm 2	3,5/7	200.000
3	Nhóm 3	3,5/7	200.000
4	Nhóm 4	3,5/7	200.000
5	Nhóm 5	3,5/7	200.000
6	Nhóm 6	3,5/7	200.000
7	Nhóm 7	3,5/7	200.000
8	Nhóm 8	3,5/7	200.000
9	Nhóm 9	2/4	210.000
10	Nhóm 10	2/4	210.000
11	Nhóm 11		210.000
<b>II</b>	<b>Kỹ sư</b>	4/8	220.000
<b>III</b>	<b>Nghệ nhân</b>	1,5/2	485.000
<b>IV</b>	<b>Vận hành tàu, thuyền</b>		
1	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	330.000
2	Thợ điều khiển tàu sông,	1,5/2	320.000
3	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	320.000
<b>V</b>	<b>Thợ lặn</b>	2/4	485.000

<b>B</b>	<b>Nhóm nhân công tư vấn xây dựng</b>		<b>Đơn giá</b>
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		700.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		550.000
3	Kỹ sư		350.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		300.000

**PHỤ LỤC SỐ IV**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của  
UBND tỉnh Lào Cai)

**4. Đơn giá nhân công Vùng IV gồm: các huyện còn lại của tỉnh Lào Cai.**

<b>A</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>	<b>Cấp bậc bình quân</b>	<b>Đơn giá</b>
<b>I</b>	<b>Nhân công xây dựng</b>	3,5/7	200.000
1	Nhóm 1	3,5/7	200.000
2	Nhóm 2	3,5/7	200.000
3	Nhóm 3	3,5/7	200.000
4	Nhóm 4	3,5/7	200.000
5	Nhóm 5	3,5/7	200.000
6	Nhóm 6	3,5/7	200.000
7	Nhóm 7	3,5/7	200.000
8	Nhóm 8	3,5/7	200.000
9	Nhóm 9	2/4	210.000
10	Nhóm 10	2/4	210.000
11	Nhóm 11		210.000
<b>II</b>	<b>Kỹ sư</b>	4/8	220.000
<b>III</b>	<b>Nghệ nhân</b>	1,5/2	485.000
<b>IV</b>	<b>Vận hành tàu, thuyền</b>		
1	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	330.000
2	Thợ điều khiển tàu sông,	1,5/2	320.000
3	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	320.000
<b>V</b>	<b>Thợ lặn</b>	2/4	485.000

<b>B</b>	<b>Nhóm nhân công tư vấn xây dựng</b>		<b>Đơn giá</b>
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		700.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		550.000
3	Kỹ sư		350.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		300.000

